

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HS-ST
Ngày 06-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Phường;**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Tùng;

Ông Trương Văn Hải;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Mỹ Y** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Thạnh Hưng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Trương Ngọc M, sinh năm 1957 tại huyện V, thành phố Cần Thơ;

Nơi cư trú: Ấp Q6, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn N, sinh năm 1928 (chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1928 (chết); bị cáo là con thứ 5 trong gia đình, có 05 anh chị em; có vợ Nguyễn Thị Cẩm V (tên gọi khác: Nguyễn Thị H), sinh năm 1955; có 02 người con, con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam theo lệnh truy nã từ ngày 28/4/2018 (có mặt).

- Bị hại: Ông **Trương Ngọc S**, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Ấp Q6, xã T, huyện

V, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Anh **Trương Ngọc Thái H**, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp Q2, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

- *Người làm chứng:*

1. NLC1, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp Q6, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

2. NLC2, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp Q6, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

3. NLC3, sinh năm 1948; địa chỉ: ấp Q6, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

*(Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, NLC 1,2 cùng có mặt,
NLC 3 vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 20 giờ 30 phút, ngày 01/7/2012, Trương Ngọc M sau khi nhậu tại nhà xong, cầm 01 con dao thái lan, rồi dùng chiếc khăn tắm quấn dao vào tay phải của mình, hù dọa đòi tự tử. Cùng lúc đó, em ruột của M là ông Trương Ngọc S có đến la mắng và khuyên can M đi ngủ, M chửi lại ông S rồi hai bên xảy ra cự cãi qua lại. Ông S kêu M đi về ngủ đi, nếu quậy nữa sẽ báo công an bắt, rồi quay mặt đi về nhà. Lúc này, M đi theo sau ông NLC1, khi ông NLC1 quay người lại đối mặt với M thì M bất ngờ dùng dao đâm vào người ông NLC1 gây ra 02 vết thương ở ngực trái. Bà NLC 3 nhìn thấy nên gọi chồng là ông NLC2 ra để can ngăn, ông NLC1 tước dao trên tay của M và đá M té ngã xuống mé sông. Sau đó, những người có mặt tại hiện trường đưa ông NLC1 đi cấp cứu, đối với M sau khi gây án đã bỏ trốn.

Ông NLC1 sau khi được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang, sau đó đưa lên Bệnh viện Chợ Rẫy, điều trị đến ngày 24/7/2012 thì được xuất viện.

Ngày 24/8/2018, M sau một thời gian bỏ trốn tại huyện G, tỉnh Kiên Giang thì bị bắt theo lệnh truy nã.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 196/2012/GĐTT ngày 09 tháng 11 năm 2012 kết luận: Tỷ lệ sức khỏe bị giảm do thương tích gây nên cho Trương Ngọc Sanh là 63%.

Tại Bản Cáo trạng số: 23/CT-VKSVT-HS ngày 25 tháng 6 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, truy tố bị cáo về tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), nay là điểm a khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo Trương Ngọc M về tội “Cố ý gây thương tích” và đề nghị:

- Tuyên bố: Bị cáo Trương Ngọc M phạm tội “Cố ý gây thương tích”

- Đề nghị áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Trương Ngọc M từ 05(năm) năm đến 06 (sáu) năm tù.

- Về vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, tịch thu tiêu hủy 01 con dao thái lan bằng kim loại, cán nhựa màu vàng, lưỡi sắt, mũi nhọn, dài khoảng 20cm và 01 khăn sọc màu tím đỏ đã cũ, dài khoảng 1m50, rộng 0,6m.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi như Cáo trạng đã mô tả, tuy nhiên bị cáo cho rằng do ông NLC1 dùng tay đánh bị cáo trước nên bị cáo mới dùng dao gây thương tích cho ông NLC1 bị cáo rất ân hận về hành vi của mình và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Thạnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa người làm chứng bà NLC3 vắng mặt nhưng đã có lời khai trong qua trình điều tra, việc vắng mặt người làm chứng này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án; căn cứ vào Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng bà NLC3.

[3] Bị cáo thực hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm trước thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực, đến tháng 6/2018 mới bị truy tố, qua đối chiếu quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và quy định tại khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, thì khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 quy định hình phạt nhẹ hơn. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét về tội danh và hình phạt đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, được hướng dẫn tại Nghị quyết số 41/2017/NQ-QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa XIV.

[4] Về tội danh và khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận, do đã có uống rượu từ trước, không kiểm chế được bản thân, tức giận trước lời khuyên can và la mắng của em ruột NLC1 nên bị cáo đã sử dụng dao thái lan bằng kim loại, cán nhựa màu vàng, lưỡi sắt, mũi nhọn, dài khoảng 20cm, đâm vào người của ông NLC1 gây ra 02 vết thương ở ngực trái, gây thương tích với tỷ lệ thương tích được giám định là 63%. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, lời khai người làm chứng, kết luận giám định, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[5] Tại thời điểm thực hiện hành vi, bị cáo là người thành niên, biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thấy trước hậu quả có thể xảy ra, trên thực tế thương tích của ông Sanh được giám định là 63%. Do đó, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp.

Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Cố ý gây thương tích”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điều 134, khoản 3, điểm a quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể (...)

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 điều này... ”.

Như vậy, Cáo trạng số 23/CT- VKSVT-HS ngày 25/6/2018, truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là đúng người, đúng tội, không oan sai cho bị cáo.

[6] Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, sức khỏe của người khác, hành vi này còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn, gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, xét xử. Do đó, cần có mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi của bị cáo gây ra, cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân chấp hành nghiêm pháp luật và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã có tác động đến gia đình nhằm bồi thường thiệt hại cho bị hại, được bị hại bãi nại về dân sự. Tại phiên tòa, bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng cho bị cáo theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại, tuy nhiên anh Trương Ngọc Thái H (là con ruột của bị cáo) là chủ động tự nguyện bồi thường số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), bị hại đã bãi nại trách nhiệm dân sự cho bị cáo. Tại phiên tòa, bị hại không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) bỏ ra bồi thường thiệt hại, là tài sản của anh Trương Ngọc Thái H bồi thường thay cho bị cáo, quá trình điều tra và tại phiên tòa, anh H không yêu cầu bị cáo thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nên Hội đồng xét xử không xem xét, trường hợp anh H có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[10] Về xử lý vật chứng: 01 (Một) con dao thái lan bằng kim loại, cán nhựa màu vàng, lưỡi sắt, mũi nhọn, dài khoảng 20cm và 01 khăn sọc màu tím đỏ đã cũ, dài khoảng 1m50, rộng 0,6m là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng. Do đó, cần

áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy các vật chứng này.

[11] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[12] Các vấn đề khác:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo cho rằng, bị hại có lỗi một phần khi dùng lời nói xúc phạm bị cáo và dùng tay đánh bị cáo, từ đó bị cáo mới sử dụng dao để đâm bị hại, lời khai này của bị cáo qua đối chất không được bị hại thừa nhận, mâu thuẫn với lời khai của những người làm chứng. Do đó, không có cơ sở để xác định bị hại có lỗi một phần.

[13] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt, điều luật áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, xử lý vật chứng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 7; Điểm a khoản 3 Điều 134; Điều 38; Điều 47; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội.

1. Tuyên bố bị cáo Trương Ngọc M phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Xử phạt bị cáo Trương Ngọc M 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 4 năm 2018.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) con dao thái lan bằng kim loại, cán nhựa màu vàng, lưỡi sắt, mũi nhọn, dài khoảng 20cm và 01 khăn sọc màu tím đỏ đã cũ, dài khoảng 1m50, rộng 0,6m (Vật chứng được lưu giữ tại kho vật chứng thuộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh theo Quyết định chuyển vật chứng số 17/QĐ-VKSVT-HS ngày 25/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh.

4. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận bị hại bãi nại trách nhiệm dân sự cho bị cáo, không tiếp tục yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về sức khỏe.

5. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhân

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Nhà tạm giữ công an huyện Vĩnh Thạnh;
- Thị hành án huyện Vĩnh Thạnh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Cẩm Phường